BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ VÀ THƯƠNG MẠI

# QUY TRÌNH
# KHẢO SÁT DOANH NGHIỆP

Mã quy trình : **QT.10/P.TS-HTDN**
Ban hành lần : **01.**
Hiệu lực từ ngày : **12/2021.**

| Người soạn thảo | Người kiểm tra/theo dõi | Người phê duyệt |
|---|---|---|
| Nguyễn Tiến Thành | Nguyễn Tiến Thành | Hoàng Văn Tá |
| Q. TP TS-HTDN | Q. TP TS-HTDN | P. Hiệu trưởng |

## I. MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

### 1. Mục đích:

Quy định các bước cần thực hiện việc tổ chức khảo sát doanh nghiệp để tiếp nhận thông tin phản hồi từ doanh nghiệp về nhu cầu nhân lực, đánh giá về nội dung, chương trình, chất lượng đào tạo, để nắm bắt các thông tin nhằm bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp.

### 2. Phạm vi áp dụng:

Toàn Trường, doanh nghiệp.

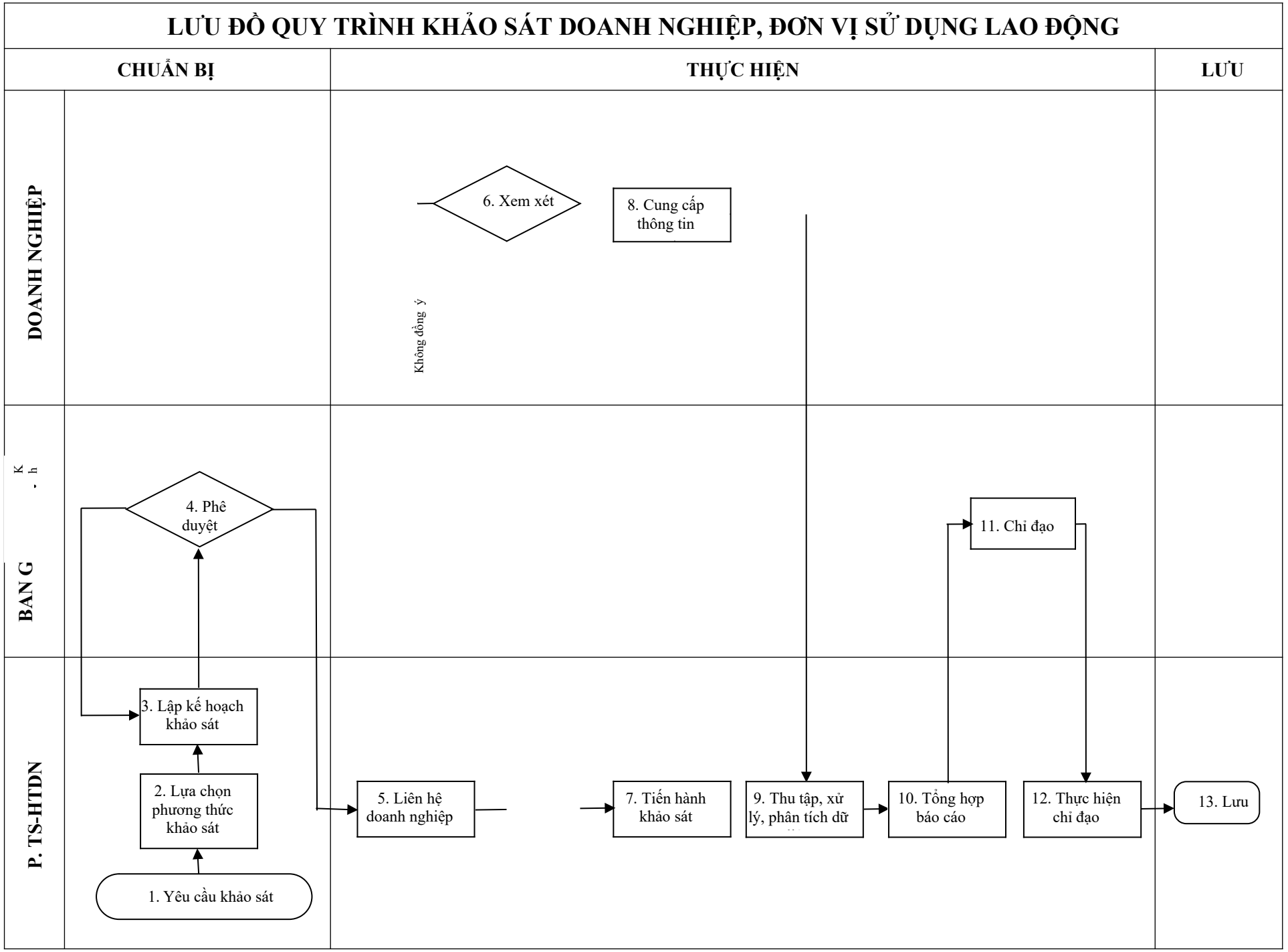
## I. TỪ VIẾT TẮT

| | |
|---|---|
| **BGH** | : Ban giám hiệu |
| **P. TS&HTDN** | : Phòng Tuyển sinh và Hợp tác doanh nghiệp |
| **DN** | : Doanh nghiệp |

**III. LƯU ĐỒ (Xem trang 2)**

**IV. ĐẶC TẢ (Xem trang 3)**

# LƯU ĐỒ QUY TRÌNH KHẢO SÁT DOANH NGHIỆP, ĐƠN VỊ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG



# ĐẶC TẢ QUY TRÌNH KHẢO SÁT DOANH NGHIỆP, ĐƠN VỊ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

| Stt | Tên bước công việc | Nội dung | Bộ phận/Người thực hiện | Bộ phận/Người phối hợp thực hiện | Kết quả đạt được | Hạn hoàn thành | Biểu mẫu/hồ sơ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **1.** | Yêu cầu khảo sát | Xác định yêu cầu, nội dung cần khảo sát<br>Danh sách Doanh nghiệp cần khảo sát | P.TS&HTDN | Các khoa chuyên môn | | | |
| 2. | Lựa chọn phương thức khảo sát | Phương thức phỏng vấn trực tiếp, phương thức điền phiếu khảo sát<br>Phòng TS-HTDN xây dựng mẫu phiếu khảo sát theo nội dung cần khảo sát | P.TS&HTDN | Phòng Đào tạo<br>Các khoa chuyên môn | Phương thức khảo sát<br>Phiếu khảo sát | 1 tuần sau khi có yêu cầu khảo sát | |
| 3. | Xây dựng kế hoạch | Xây dựng kế hoạch khảo sát các cơ quan doanh nghiệp | P.TS&HTDN | Phòng Đào tạo<br>Các khoa chuyên môn | Kế hoạch | 1 tuần | BM/QT10/ P.TS&HTDN /02 |
| 4. | Phê duyệt kế hoạch | Xem xét nếu đồng ý thì Hiệu trưởng ký xuyệt.<br>Xem xét nếu không đồng ý thì Phòng TS-HTDN xây dựng lại kế hoạch. | BGH | P.TS&HTDN | Kế hoạch | Sau khi lập kế hoạch 1 ngày | |
| 5. | Liên hệ Doanh nghiệp | Liên hệ hẹn lịch đến khảo sát Doanh nghiệp | P.TS&HTDN | Khoa chuyên môn | | Trong vòng 2 tuần sau khi kế hoạch | |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | được duyệt | |
| 6. | Xem xét | Nếu đồng ý, Doanh nghiệp thống nhất lịch làm việc.<br>Nếu không đồng ý, Doanh nghiệp phản hồi lại cho đơn vị phụ trách. | Doanh nghiệp | P.TS-HTDN | Lịch hẹn làm việc | 1 ngày sau khi được lien lạc | |
| 7. | Tổ chức khảo sát | Phỏng vấn trực tiếp Doanh nghiệp/ Gửi phiếu khảo sát | P.TS&HTDN | Khoa chuyên môn | Phiếu khảo sát/Nội dung phỏng vấn | Theo kế hoạch | |
| 8. | Cung cấp thông tin | Doanh nghiệp trả lời phỏng vấn trực tiếp, điền phiếu thông tin | Doanh nghiệp | P.TS-HTDN | Phiếu khảo sát đã được điền/Nội dung trả lời phỏng vấn | Sau khi nhận phiếu khảo sát/nội dung phỏng vấn | BM/QT10/ P.TS&HTDN /03 |
| 9. | Thu thập, xử lý, phân tích dữ liệu | Thu thập phiếu khảo sát, tổng hợp nội dung trả lời phỏng vấn<br>Làm sạch dữ liệu<br>Nhập liệu, thống kê và phân tích dữ liệu | P.TS&HTDN | Phòng Đào tạo | Phiếu khảo sát | Trong vòng 15 ngày sau khi hoàn tất khảo sát DN | |
| 10. | Tổng hợp báo cáo | Viết báo cáo kết quả khảo sát trình Hiệu trưởng. | P.TS&HTDN | | Báo cáo kết quả thu thập thông tin | Sau khi tổng hợp xử lý số liệu l tuần | BM/QT10/ P.TS&HTDN /01 |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 11. | Chỉ đạo | Hiệu trưởng xem xét báo cáo kết quả khảo sát và chỉ đạo các đơn vị thực hiện | BGH | | Ý kiến chỉ đạo | Sau khi nhận báo cáo 3 ngày | |
| 12. | Thực hiện chỉ đạo | Chuyển kết quả khảo sát đến bộ phận được chỉ đạo thực hiện.<br>Các đơn vị lập kế hoạch thực hiện chỉ đạo | P.TS&HTDN | Các đơn vị thực hiện | Báo cáo kết quả thu thập thông tin | Sau khi nhận ý kiến chỉ đạo 1 ngày | |
| 13. | Lưu trữ hồ sơ | Lập hồ sơ lưu trữ | P.TS&HTDN | | Hồ sơ lưu trữ | | |

## V. CÁC BIỂU MẪU

| STT | TÊN BIỂU MẪU/ HỒ SƠ | SỐ HIỆU | BỘ PHẬN LƯU TRỮ | THỜI GIAN LƯU TRỮ |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Báo cáo khảo sát doanh nghiệp | BM/QT10/P.TS&HTDN/01 | P.TS&HTDN | 3 năm |
| 2 | Kế hoạch khảo sát | BM/QT10/P.TS&HTDN/02 | P.TS&HTDN | 3 năm |
| 3 | Bảng hỏi khảo sát DN | BM/QT10/P.TS&HTDN/03 | P.TS&HTDN | 3 năm |

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ VÀ THƯƠNG MẠI**
**PHÒNG TS & HTDN**

BM/QT10/P.TS&HTDN/01
Ban hành lần 1

# BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT DOANH NGHIỆP

Theo kế hoạch: ……..……..

## I. CÔNG TÁC TỔ CHỨC THỰC HIỆN

-

## II. KẾT QUẢ KHẢO SÁT

- Tổng số lượng Doanh nghiệp tham gia chương trình khảo sát:……..

| TT | Tên doanh nghiệp | Lĩnh vực hoạt động | Nhu cầu lao động Năm:…….. | | Ý kiến phản hồi về chất lượng học sinh, sinh viên | | Ý kiến khác | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Ngành nghề | Số lượng | Ý thức | Kỹ năng | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |

## III. ĐÁNH GIÁ CHUNG KẾT QUẢ KHẢO SÁT

……

……

……..

*Sông Công, ngày ….. tháng ….. năm ……*

**Người báo cáo**

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ VÀ THƯƠNG MẠI**
**PHÒNG TS & HTDN**

BM/QT10/P.TS&HTDN/02
Ban hành lần 1

# KẾ HOẠCH KHẢO SÁT DOANH NGHIỆP

## I. MỤC ĐÍCH

## II. THỜI GIAN

- Chuẩn bị:
- Khảo sát:
- Tổng hợp báo cáo:

## III. CÔNG TÁC CHUẨN BỊ

| TT | Nội dung | Phân công thực hiện | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| | | | |
| | | | |

## IV. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

| TT | Tên doanh nghiệp | Lĩnh vực hoạt động | Địa chỉ | Thời gian thực hiện | Phân công thực hiện | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | |
| | | | | | | |

- **Ghi chú:**

……

……

*Sông Công, ngày ….. tháng ….. năm .....*

**PHÒNG TS & HTDN** **BAN GIÁM HIỆU**

BM/QT74/P.TS-HTDN/03
Ban hành lần 1

**Ngày phỏng vấn** ☐☐/☐☐/2021 [ngày/tháng/năm] **Bảng hỏi số:** ☐☐☐☐☐

Tên phỏng vấn viên: _____

# BẢNG HỎI DÀNH CHO DOANH NGHIỆP

**Để hỗ trợ những nỗ lực cải thiện chất lượng đào tạo nghề của các cơ sở dạy nghề và để cung cấp cho các doanh nghiệp những học viên ra trường có trình độ tốt hơn**, bảng câu hỏi này được thiết kế nhằm thu thập ý kiến của người sử dụng lao động về trình độ và năng lực (kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và thái độ) của học viên tốt nghiệp học nghề. Để có một bức tranh tổng thể về tình hình việc làm và khả năng làm việc của các học viên tốt nghiệp của Trường CĐ Công nghệ và Thương mại, kính đề nghị Doanh nghiệp trả lời thẳng thắn và chân thực nhất mọi câu hỏi liên quan tới học viên tốt nghiệp từ Trường CĐ Công nghệ và Thương mại Mọi thông tin mà Doanh nghiệp cung cấp sẽ được giữ bí mật và không sử dụng vào mục đích nào khác.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Doanh nghiệp!

## I – THÔNG TIN CHUNG

**1. Địa chỉ:**

Tên doanh nghiệp: _____

Huyện/Quận/Thị xã/TP thuộc tỉnh:_____
Xã/Phường/Thị trấn: _____
Số nhà/Đường/Phố (Thôn/xóm): _____
Tỉnh/thành phố: _____

Tên người trả lời phỏng vấn:_____
Địa chỉ eMail: _____ Điện thoại: _____

**2. Loại hình doanh nghiệp** *(đánh dấu "X" vào ô vuông tương ứng)*

☐ Doanh nghiệp Nhà nước
☐ Công ty TNHH Nhà nước
☐ Công ty TNHH tư nhân, Cty TNHH có vốn nhà nước ≤ 50%
☐ Công ty TNHH có vốn nhà nước >50%
☐ Công ty cổ phần
☐ Công ty hợp danh
☐ Công ty tư nhân
☐ Doanh nghiệp liên doanh
☐ Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài

**3. Cơ sở này có phải là đơn vị con của một tập đoàn/tổng công ty không?** *(đánh dấu "X" vào ô vuông tương ứng)*

☐ Có
☐ Không ⇨ Chuyển sang **Câu 5**

**4. Tổng số lao động làm việc tại cơ sở này tính tại thời điểm hiện nay?**

☐☐☐.☐☐☐ người

**5. Tổng số lao động làm việc trong toàn bộ doanh nghiệp/tổng công ty hiện nay?**

☐☐☐.☐☐☐ người

**6. Ngành nghề sản xuất/kinh doanh chính của doanh nghiệp là gì?**

☐ Nông - Lâm - Ngư nghiệp
☐ Công nghiệp khai thác
☐ Công nghiệp chế biến
☐ Xây dựng
☐ Sản xuất, phân phối điện, ga, nước
☐ Thương mại & Dịch vụ (Bán buôn, bán lẻ)
☐ Nhà hàng, khách sạn và Du lịch
☐ Thông tin liên lạc, Công nghệ thông tin
☐ Giao thông vận tải
☐ Giáo dục / đào tạo
☐ Ngành nghề khác, ghi cụ thể……..

**7. Công việc sản xuất/kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động trên thị trường nào?** *(đánh dấu "X" vào ô vuông tương ứng)*

☐ Thị trường trong nước ☐ Thị trường xuất khẩu ☐ Cả hai

**8. Doanh nghiệp có sản xuất/lắp ráp hàng hóa không?** *(đánh dấu "X" vào ô vuông tương ứng)*

☐ Không

☐ Có ⇨ **Doanh nghiệp sử dụng công nghệ sản xuất/lắp ráp nào <u>là chính</u>?**

☐ Thủ công ☐ Bán tự động ☐ Tự động

**9. Doanh nghiệp có sử dụng những biện pháp để bảo vệ môi trường không?**

☐ Không

☐ Có ⇨ **Đề nghị nêu rõ: ……**

**10. Doanh nghiệp có kế hoạch làm thế nào để sử dụng năng lượng và các nguồn tài nguyên khác một cách hiệu quả không?**

☐ Không

☐ Có ⇨ **Đề nghị nêu rõ: ……..……**

## II – TUYỂN DỤNG

**11. Doanh nghiệp có kế hoạch tuyển dụng lao động trong 12 tháng tới?**

☐ Không ⇨ Chuyển sang **Câu 13**

☐ Có ⇨ **Doanh nghiệp tuyển dụng bao nhiêu lao động theo loại lao động dưới đây?**

*(Đơn vị: người)*

__|__|__|__| Lao động không có trình độ nghề/chuyên môn kỹ thuật

__|__|__|__| Lao động có trình độ nghề/chuyên môn kỹ thuật

**12. Doanh nghiệp có kế hoạch tuyển dụng phần lớn lao động trong vòng 12 tháng tới ở những nghề nào dưới đây?** ***(Đề nghị sử dụng danh sách A đính kèm ở phần cuối Bảng hỏi này để trả lời)***

| Tên nghề | Mã nghề | Số lao động tuyển dụng (người) |
|---|---|---|
| Nghề số 1: | __\|__ | __\|__\|__\|__ |
| Nghề số 2: | __\|__ | __\|__\|__\|__ |
| Nghề số 3: | __\|__ | __\|__\|__\|__ |
| Nghề số 4: | __\|__ | __\|__\|__\|__ |
| Nghề số 5: | __\|__ | __\|__\|__\|__ |
| Nghề số 6: | __\|__ | __\|__\|__\|__ |
| Nghề số 7: | __\|__ | __\|__\|__\|__ |

**13. Doanh nghiệp đã tuyển dụng người lao động bị khuyết tật trong thời gian trước đây?**

☐ Không

☐ Có⇨ **Đề nghị nêu rõ bao nhiêu người:……**

**14.Người lao động bị khuyết tật có thể đảm nhận những công việc giống như công việc của những lao động bình thường khác trong doanh nghiệp của Ông/Bà không?**

☐ Có

☐ Không⇨ **Đề nghị nêu rõ lý do: ……..……**

**15. Ông/Bà có nhìn thấy tiềm năng việc làm ở trong doanh nghiệp của Ông/Bà giành cho người lao động bị khuyết tật?**

☐ Không

☐ Có⇨ **Xin nêu rõ là ở trong lĩnh vực nào:……**

**16.Doanh nghiệp của Ông/Bà có triển khai các biện pháp để người khuyết tật có thể hòa nhập vào công việc khi làm việc tại doanh nghiệp không?**

☐ Không

☐ Có ⇨ **Xin nêu rõ các biện pháp nào?:……**

## III – VIỆC LÀM VÀ ĐÀO TẠO

**17. Hãy chọn tối đa 5 nghề mà doanh nghiệp đã tuyển dụng số lượng học viên tốt nghiệp nhiều nhất (những học viên mới tốt nghiệp ra trường) từ Trường CĐ Công nghệ và Thương mại trong vòng 12 tháng qua.** ***(Đề nghị chỉ lưu ý đến những nghề được liệt kê trong danh sách B đính kèm ở phần cuối bảng hỏi này).***

| Tên nghề | mã nghề | Số lượng người lao động được tuyển dụng | Mức thu nhập tính bằng triệu VNĐ | Khó khăn trong tuyển dụng *(đánh dấu "X" vào ô vuông tương ứng)* |
|---|---|---|---|---|
| Nghề số 1: | ☐☐ | ☐☐☐☐ | ☐☐.☐☐ | ☐ |
| Nghề số 2: | ☐☐ | ☐☐☐☐ | ☐☐.☐☐ | ☐ |
| Nghề số 3: | ☐☐ | ☐☐☐☐ | ☐☐.☐☐ | ☐ |
| Nghề số 4: | ☐☐ | ☐☐☐☐ | ☐☐.☐☐ | ☐ |
| Nghề số 5: | ☐☐ | ☐☐☐☐ | ☐☐.☐☐ | ☐ |

➔ Nếu doanh nghiệp **không gặp khó khăn** trong việc tuyển dụng lao động lành nghề/có trình độ ở 5 nghề nêu trên. ⇨ Chuyển sang **Câu 19**

**18. Doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc tuyển dụng lao động có trình độ, vậy những khó khăn này là gì?** *(đánh dấu "X" vào ô vuông tương ứng)*

☐ Thiếu lao động đáp ứng yêu cầu về chuyên môn kỹ thuật, tay nghề ở khu vực địa phương

☐ Các ứng cử xin việc có trình độ thấp

☐ Đề nghị mức thu nhập không được chấp nhận

☐ Khác (nếu có):_____

**19. Đề cập đến 5 nghề được nêu ở Câu 17. Trung bình mỗi học viên sau khi tốt nghiệp từ Trường CĐ Công nghệ và Thương mại cần đào tạo bao nhiêu ngày trước khi bắt đầu công việc sản xuất?**

| Tên nghề *(5 nghề ở câu 17)* | Mã nghề | Không cần đào tạo *(đánh dấu "X" vào ô vuông tương ứng)* | Số ngày đào tạo lại/bổ sung đối với mỗi lao động mới được tuyển dụng |
|---|---|---|---|
| Nghề số 1: | ☐☐ | ☐ | ☐☐☐☐ |
| Nghề số 2: | ☐☐ | ☐ | ☐☐☐☐ |
| Nghề số 3: | ☐☐ | ☐ | ☐☐☐☐ |
| Nghề số 4: | ☐☐ | ☐ | ☐☐☐☐ |
| Nghề số 5: | ☐☐ | ☐ | ☐☐☐☐ |

## IV – TRÌNH ĐỘ VÀ NĂNG LỰC

**20. Những học viên tốt nghiệp từ Trường CĐ Công nghệ và Thương mại mới được tuyển dụng có đáp ứng được những yêu cầu về trình độ của doanh nghiệp?**

| Tên nghề *(5 nghề ở Câu 17)* | Mã nghề | Mức độ đáp ứng của học viên tốt nghiệp về trình độ *(đánh dấu "X" vào ô vuông tương ứng)* 5 Đáp ứng hoàn toàn | 4 Đáp ứng phần lớn | 3 Đáp ứng trung bình | 2 Phần lớn không đáp ứng | 1 Hoàn toàn không đáp ứng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Nghề số 1: | ☐☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Nghề số 2: | ☐☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Nghề số 3: | ☐☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Nghề số 4: | ☐☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Nghề số 5: | ☐☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |

**21. Doanh nghiệp có tuyển dụng học viên tốt nghiệp ở 5 nghề nêu trên từ các cơ sở dạy nghề khác trong 12 tháng qua không?** *(đánh dấu "X" vào ô vuông tương ứng)*

☐ Có

☐ Không ⇨ Chuyển sang **Câu 23**

**22. Những học viên tốt nghiệp từ những cơ sở dạy nghề khác mới được tuyển dụng có đáp ứng được những yêu cầu về trình độ của doanh nghiệp Ông/Bà không?**

| Tên nghề *(5 nghề ở Câu 17)* | Mã nghề | Mức độ đáp ứng của học viên tốt nghiệp về trình độ *(đánh dấu "X" vào ô vuông tương ứng)* 5 Đáp ứng hoàn toàn | 4 Đáp ứng phần lớn | 3 Đáp ứng trung bình | 2 Phần lớn không đáp ứng | 1 Hoàn toàn không đáp ứng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Nghề số 1: | ☐☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Nghề số 2: | ☐☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Nghề số 3: | ☐☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Nghề số 4: | ☐☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Nghề số 5: | ☐☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |

**23. Xin Ông/Bà đánh giá một cách tổng quát về năng lực của học viên tốt nghiệp từ Trường CĐ Công nghệ và Thương mại: Bao nhiêu phần trăm học viên tốt nghiệp từ (tên cơ sở đào tạo nghề) đáp ứng yêu cầu công việc của doanh nghiệp?**

| **Năng lực** | Tổng số | Hoàn toàn ko đáp ứng | Đáp ứng một phần | Đáp ứng trung bình | Đáp ứng khá tốt | Đáp ứng tốt |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Kiến thức lý thuyết về nghề** | 100% | | | | | |
| **Kỹ năng thực hành nghề** | 100% | | | | | |
| **Thái độ làm việc/kỷ luật lao động** | 100% | | | | | |

**24. Xin Ông/Bà đánh giá về năng lực một cách chi tiết hơn:**
**(Cột A): Đánh giá mức độ quan trọng của năng lực đối với công việc trong doanh nghiệp của Ông/Bà?**
**(Cột B): Đánh giá mức độ thiếu năng lực của học viên tốt nghiệp từ Trường CĐ Công nghệ và Thương mại đối với công việc trong doanh nghiệp của Ông/Bà?**

| Năng lực | (A): Mức độ quan trọng của năng lực | | | | | | (B): Mức độ thiếu năng lực | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 5 Rất quan trọng | 4 Quan trọng | 3 Bình thường | 2 Không quan trọng | 1 Hoàn toàn không quan trọng | Tôi không biết | 5 Hoàn toàn không thiếu | 4 Thiếu ít | 3 Thiếu trung bình | 2 Thiếu nhiều | 1 Thiếu rất nhiều | Tôi không biết |
| **Kiến thức lý thuyết về nghề** | | | | | | | | | | | | |
| Khoa học ứng dụng (vd: toán học, vật lý, hóa học) | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Ngoại ngữ (vd: tiếng Anh) | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Công nghệ kỹ thuật và sản xuất | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Chế tạo và chế biến | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Máy tính và viễn thong | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Quản trị và điều hành/quản lý | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Các điều lệ và tiêu chuẩn chất lượng | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Vận chuyển và sắp xếp lưu kho | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Sức khỏe và an toàn lao động | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Bảo vệ môi trường và công nghệ xanh | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Đạo đức nghề nghiệp | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Quản lý nguồn lực: sử dụng năng lượng,vật liệu thừa một cách hiệu quả, tài chế/tái sử dụng vật liệu nhằm hạn chế việc sử dụng nguồn tài nguyên | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Khác (ghi rõ) _____ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| **Các kỹ năng thực tiễn nghề nghiệp** | | | | | | | | | | | | |
| **Kỹ năng cứng** | | | | | | | | | | | | |
| Thao tác và vận chuyển nguyên vật liệu, công cụ, linh kiện, thiết vị và máy móc. | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Sử dụng thiết bị đo đạc, kiểm tra và căn chỉnh theo tiêu chuẩn | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Cài đặt và vận hành máy móc, thiết bị và dụng cụ cho sản xuất | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Thực hiện các công việc vận hành trong một dây chuyền sản xuất theo qui cách | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Lắp ráp, lắp đặt, kiểm tra các bộ phận, thiết bị, máy móc, hệ thống, etc. | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa/thay thế các bộ phận, thiết bị/máy móc ..... | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Sử dụng bản đồ, bản thiết kế, bản vẽ và các chỉ dẫn kỹ thuật | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Sử dụng năng lượng và vật liệu thừa hiệu quả/ sử dụng hệ thống tái chế | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |
| Khác (nêu rõ)_____ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ |

| **Năng lực** | (A): Mức độ quan trọng của năng lực | | | | | | | (B): Mức độ thiếu năng lực | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Năng lực** | (A): Mức độ quan trọng của năng lực | | | | | | | (B): Mức độ thiếu năng lực | | | | | | |
| | 5 Rất quan trọng | 4 Quan trọng | 3 Bình thường | 2 Không quan trọng | 1 Hoàn toàn không quan trọng | Tôi không biết | | 5 Hoàn toàn không thiếu | 4 Thiếu ít | 3 Thiếu trung bình | 2 Thiếu nhiều | 1 Thiếu rất nhiều | Tôi không biết | |
| **Các kỹ năng mềm** | | | | | | | | | | | | | | |
| Thu thập, xử lý, quản lý thông tin | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | |
| Làm việc với người khác theo nhóm | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | |
| Sử dụng các khái niệm và kỹ thuật toán học | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | |
| Đưa ra các quyết định và giải quyết các vấn đề | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | |
| Tổ chức, lên kế hoạch và xắp xếp thứ tự ưu tiên công việc | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | |
| Sử dụng công nghệ máy tính, thiết bị điều khiển và phần mềm điều khiển | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | |
| Hỗ trợ triển khai đào tạo trong chỗ làm | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | |
| Áp dụng các điều lệ, quy định về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | |
| Thúc đẩy và áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | |
| Cung cấp các dịch vụ chăm sóc khách hàng | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | |
| Khác (nêu rõ): _____ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | |
| **Thái độ làm việc** | | | | | | | | | | | | | | |
| Đáng tin cậy, có trách nhiệm | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | |
| Chính trực, tôn trọng | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | |
| Tận tâm, trung thành, cống hiến | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | |
| Chính xác, cẩn thận, tập trung | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | |
| Kỷ luật, ngăn nắp, đúng giờ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | |
| Hợp tác, giúp đỡ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | |
| Linh hoạt, dễ thích nghi | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | |
| Sẵn sàng học hỏi, định hướng nghề nghiệp, có tham vọng, có động lực .... | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | |
| Tính sáng tạo, đổi mới | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | |
| Chịu khó, chịu được áp lực | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | |
| Các nghi thức cử chỉ xã giao công việc | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | |
| Khác (nêu rõ): _____ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | ☐ | |

**A: Danh sách các nghề cho phần trả lời Câu hỏi 12**

| Mã để ghi vào bảng hỏi | Tên nghề |
|---|---|
| 1 | Luyện gang |
| 2 | Luyện thép |
| 3 | Luyện kim màu |
| 4 | Công nghệ cán, kéo kim loại |
| 5 | Công nghệ đúc kim loại |
| 6 | Công nghệ mạ |
| 7 | Công nghệ tuyển khoáng |
| 8 | Kiểm tra và phân tích hóa chất |
| 9 | Sản xuất vật liệu chịu lửa |
| 10 | Sản xuất các chất vô cơ |
| 11 | Cắt gọt kim loại |
| 12 | Nguội sửa chữa máy công cụ |
| 13 | Nguội lắp ráp cơ khí |
| 14 | Cơ khí chế tạo |
| 15 | Công nghệ kỹ thuật cơ khí |
| 16 | Điện công nghiệp và dân dụng |
| 17 | Điện công nghiệp |
| 18 | Điện tử công nghiệp |
| 19 | Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp |
| 20 | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử |
| 21 | Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh |
| 22 | Công nghệ kỹ thuật ô tô |
| 23 | Công nghệ ô tô |
| 24 | Công nghệ chế tạo máy |
| 25 | Vận hành cần, cầu trục |
| 26 | Hàn |
| 27 | Sửa chữa thiết bị luyện kim |
| 28 | May thời trang |
| 29 | Tin học văn phòng |

**B: Danh sách các nghề được hỗ trợ dành cho phần trả lời Câu hỏi 17**

| Mã để ghi vào bảng hỏi | Tên nghề |
|---|---|
| 1 | Cắt gọt kim loại |
| 2 | Hàn |
| 3 | Điện công nghiệp và dân dụng |
| 4 | Điện công nghiệp |
| 5 | Điện tử công nghiệp |
| 6 | Kỹ thuật điện, điện tử |
| 7 | May thời trang |
| 8 | Công nghệ ô tô |
| 9 | Công nghệ kỹ thuật ô tô |
| 10 | Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh |